

TRƯỜNG MẦM NON AN SINH B
NHÓM TRẺ 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Sinh, ngày 25 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
NHÓM TRẺ 3

Tên nhóm/ lớp: **Nhóm trẻ 3**

Số lượng trẻ trong nhóm/lớp: 22 trẻ

Số giáo viên/ 1 lớp, tên giáo viên: 2 giáo viên Lê Thị Hoa – Đỗ Thị Khanh

Căn cứ kế hoạch số 256 /KH CSNDGD–MNASB, ngày 22 tháng 08 năm 2024 Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục của trường mầm non An Sinh B năm học 2024 - 2025

Căn cứ vào điều kiện thực tế, khả năng, nhu cầu, nhận thức của trẻ Nhóm trẻ 3 xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cụ thể như sau:

I. Mục tiêu, nội dung nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mã	Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
1. Tổ chức ăn		
MT1	Trẻ được ăn hai bữa chính và một bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng	- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. - Chế độ ăn: cơm thường, Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 930-1000 Kcal,

	theo quy định. Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp.	- Nhu cầu năng lượng tại trường của trẻ trong 1 ngày chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa; - <i>Sử dụng sản phẩm có sẵn ở địa phương</i>
2. Tổ chức ngủ		
MT2	<i>Trẻ được Ngủ 1 giấc ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.</i> <i>- Được chăm sóc an toàn về cả thể chất và tinh thần. (QCN)</i>	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ 150 phút <i>Chăm sóc an toàn về cả thể chất và tinh thần. (QCN)</i>
3. Vệ sinh		

MT3	Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân đảm bảo sức khỏe: Rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định <i>- Trẻ được chăm sóc vệ sinh đảm bảo an toàn khi có dịch bệnh</i>	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. <i>- Khi có dịch bệnh việc khử khuẩn vệ sinh môi trường được thực hiện theo đúng hướng dẫn của ngành Y tế.</i> <i>- Tuyên truyền hướng dẫn cha mẹ đảm bảo vệ sinh cá nhân cho trẻ</i>
MT4	Trẻ được sống trong môi trường được vệ sinh đảm bảo : phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	- Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. - Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn		
MT5	- Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp. - Trẻ được theo dõi tiêm chủng. <i>- Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. Trẻ học cách chơi an toàn các trò chơi lành mạnh. (QCN)</i>	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: Cúm mùa, đau mắt đỏ, tay chân miệng,... - Phòng và xử trí một số bệnh thường gặp: ho, mẩn ngứa, viêm mũi... - Phòng và xử trí một số tai nạn thương tích thường gặp: bỏng, rách da, tổn thương phần mềm, gãy xương, ngộ độc, dị vật ở tai, mũi, họng - Phòng và xử trí một số trường hợp bất thường về sức khỏe của trẻ: sốt, chảy máu mũi, co giật, tổn thương mắt

		- Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm: ho, viêm đường hô hấp... - Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: Ngã, đi lạc, hóc, sặc, bỏng, cháy, điện giật.... - <i>Tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh đảm bảo an toàn, phòng tránh dịch bệnh cho trẻ, thực hiện tiêm phòng theo lịch</i> <i>Trẻ chơi an toàn các trò chơi lành mạnh</i>
MT6	- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A Trẻ 24 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 9,7 đến 15,3 kg Chiều cao: 81,7 đến 93.9cm + Trẻ gái: Cân nặng: 9,1 đến 14,8 kg Chiều cao: 80,0 đến 92,9cm * Trẻ béo phì:	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi - Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. + Trẻ dưới 24 Tháng: Cân trẻ 1 tháng 1 lần. Đo trẻ 1 tháng 1 lần. + Trẻ 36 Tháng: Cân trẻ 3 tháng 1 lần. Đo trẻ 3 tháng 1 lần. + <i>Trẻ suy dinh dưỡng hoặc béo phì</i> <i>Cân trẻ 1 tháng 1 lần.</i> <i>Đo trẻ 1 tháng 1 lần.</i>

+ Trẻ trai: Cân nặng giảm xuống tới mức 15,3 kg + Trẻ gái: Cân nặng giảm xuống tới mức 14,8 kg * Trẻ suy dinh dưỡng: + Trẻ trai: Cân nặng tăng lên 9,7 kg trở lên Chiều cao tăng lên 81,7 cm trở lên + Trẻ gái: Cân nặng tăng lên 9,1 kg trở lên Chiều cao tăng lên 80,0 cm trở lên Trẻ 36 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 đến 18,3 kg Chiều cao: 88,7 đến 103,5cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 đến 18,1 kg Chiều cao: 88,7 đến 102,7cm * Trẻ béo phì: + Trẻ trai: Cân nặng giảm xuống tới mức 18,3 kg	- Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học. - Thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt - Xây dựng kế hoạch chăm sóc trẻ béo phì, trẻ suy dinh dưỡng. - Tuyên truyền phụ huynh, phối hợp phụ huynh trong chăm sóc trẻ
--	---

	+ Trẻ gái: Cân nặng giảm xuống tới mức 18,1 kg * Trẻ suy dinh dưỡng: + Trẻ trai: Cân nặng tăng lên 11,3 kg trở lên Chiều cao tăng lên 88,7 cm trở lên + Trẻ gái: Cân nặng tăng lên 10,8 kg trở lên Chiều cao tăng lên 88,7 cm trở lên	
--	---	--

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục

Mã	Mục tiêu	Nội dung
	Lĩnh vực phát triển thể chất	
	Phát triển vận động	
	- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp
MT7	Trẻ tập được các động tác theo hiệu lệnh. Trẻ thực hiện được các động tác hít thở, tay, lưng/ bụng và chân . - <i>Trẻ tập được các động tác theo bài hát có lời</i>	Thực hiện các động tác theo hiệu lệnh. Thực hiện các động tác hít thở, tay, lưng/ bụng và chân trong bài thể dục sáng và bài tập phát triển chung trong giờ hoạt động phát triển thể chất (<i>kết hợp đồ dùng, đồ chơi, tiếng kêu của con vật, PTGT</i>) - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra

		- Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên, co duỗi từng chân <i>Tập các động tác theo bài hát có lời theo chủ đề: erobic, dân vũ</i>
MT7a	Trẻ tập được các động tác theo hiệu lệnh. Trẻ thực hiện được các động tác hít thở, tay, lưng/ bụng và chân . <i>- Trẻ tập được các động tác theo bài hát có lời</i>	Thực hiện các động tác theo hiệu lệnh. Thực hiện các động tác hít thở, tay, lưng/ bụng và chân trong bài thể dục sáng và bài tập phát triển chung trong giờ hoạt động phát triển thể chất (<i>kết hợp đồ dùng, đồ chơi</i>) - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên, co duỗi từng chân <i>Tập các động tác theo bài hát có lời theo chủ đề: erobic, dân vũ</i>
MT7b	Trẻ tập được các động tác theo hiệu lệnh. Trẻ thực hiện được các động tác hít thở, tay, lưng/ bụng và chân .	Thực hiện các động tác theo hiệu lệnh. Thực hiện các động tác hít thở, tay, lưng/ bụng và chân trong bài thể dục sáng và bài tập phát triển chung trong giờ hoạt động phát triển thể chất (<i>kết hợp tiếng kêu của con vật</i>) - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra

	- Trẻ tập được các động tác theo bài hát có lời	- Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên, co duỗi từng chân <i>Tập các động tác theo bài hát có lời theo chủ đề: erobic, dân vũ</i>
MT7c	Trẻ tập được các động tác theo hiệu lệnh. Trẻ thực hiện được các động tác hít thở, tay, lưng/ bụng và chân . - Trẻ tập được các động tác theo bài hát có lời	Thực hiện các động tác theo hiệu lệnh. Thực hiện các động tác hít thở, tay, lưng/ bụng và chân trong bài thể dục sáng và bài tập phát triển chung trong giờ hoạt động phát triển thể chất (<i>kết hợp tiếng kêu của PTGT</i>) - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên, co duỗi từng chân <i>Tập các động tác theo bài hát có lời theo chủ đề: erobic, dân vũ</i>
	- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động ban đầu.	Các vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động ban đầu.
MT8	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay. - Đứng co một chân

MT8a	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay. - Đứng co một chân - <i>Đi theo đường ngoằn ngoèo</i> - <i>Đi theo đường gấp khúc có mang vật trên tay</i> - <i>Đi bước vào ô</i> - <i>Đi bước qua gậy kê cao</i>
MT8b	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô	- Đi theo hiệu lệnh, - <i>Đi kết hợp với chạy</i>
MT9	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô.	- Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng
MT10	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò trong đường ngoằn ngoèo - Bò chui qua cổng - <i>Bò thẳng hướng theo đường hẹp</i>
MT10a	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò trong đường ngoằn ngoèo - <i>Bò thẳng hướng theo đường hẹp</i>
MT10b	<i>- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò chui qua vòng, bò qua vật cản</i>	- Bò qua vật cản. - Bò chui qua cổng - <i>Bò chui qua ống</i>
MT10c	<i>- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi trườn về phía trước, trườn qua vật cản</i>	- <i>Trườn về phía trước.</i> - Trườn qua vật cản.
MT11	Trẻ biết nhún bật bằng 2 chân	- Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - <i>Nhún bật về phía trước</i>

MT11a	Trẻ biết bật xa bằng 2 chân	- Bật xa bằng hai chân
MT12:	Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung bóng với cô ở khoảng cách 1m: ném vào đích xa 1-1,2m.	- Lăn bóng về phía trước - Tung bóng bằng 2 tay - Tung - bắt bóng cùng cô
MT12a	Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung bóng với cô ở khoảng cách 1m	- Lăn bóng về phía trước - Tung bóng bằng 2 tay - Tung - bắt bóng cùng cô
MT12b	Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: ném vào đích xa 1-1,2m.	- Ném vào đích xa 1-1,2m.
MT13:	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay(tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích - Đá bóng
MT13a	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném: ném xa lên phía trước bằng một tay(tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích
MT13b	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động đá bóng	- Đá bóng
	- Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay	Các cử động của bàn tay ngón tay và phối hợp tay mắt
MT14	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	- Nhón nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách
MT15	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tổ chim: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cời cúc, cài, buộc dây - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào. - Đóng cọc bàn gỗ

		- Nhón nhặt đồ vật
MT16	Trẻ biết lắp ghép được các mảnh hình	- Lắp ghép hình - Xếp chồng 6-8 khối
	Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
	- Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt
MT17	Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ. - Làm quen với chế độ, nề nếp ăn cơm và ăn các loại thức ăn khác nhau. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng... - Rèn thói quen ngủ một giấc trưa
MT18	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày. - Biết tên một số món ăn địa phương: Bún cua, bún xương, canh cua rau đay, canh bầu nấu tép, cháo gà, cháo thịt bò, mỳ gà, mỳ xương....	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc: Cơm, cháo, canh... - Nhận biết tên một số món ăn địa phương: Bún cua, bún xương, canh cua rau đay, canh bầu nấu tép, cháo gà, cháo thịt bò, mỳ gà, mỳ xương....
MT19	Trẻ biết thực hiện một số nề nếp thói quen tốt trong ăn uống, sinh hoạt: - Sử dụng bát, thìa cốc đúng cách - Thực hiện được một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định	- Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong ăn uống: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định

	- Thực hiện được hành vi vệ sinh, văn minh trong ăn uống	+ Có hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: Mời cô và các bạn trước khi ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không cho chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn.
MT20	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT21	Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
MT22	Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ	- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh
	- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe
MT 23	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn	- Tập tự phục vụ - Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất... - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
MT24	Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép: mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép
MT25	<i>Trẻ biết thực hiện một số biện pháp phòng dịch bệnh: Đeo khẩu trang, giữ vệ sinh sạch sẽ, không cho tay vào mắt, mũi, miệng, sát khuẩn tay, rửa tay bằng xà phòng...</i>	- Đeo khẩu trang khi ra ngoài, đến chỗ đông người - Rửa tay với xà phòng thường xuyên - Sát khuẩn tay bằng nước sát khuẩn - Không cho tay vào mắt, mũi, miệng.... - Che miệng khi ho, hắt hơi...
	- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn

MT26	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần: bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng...
MT26a	<i>- Trẻ biết tránh xa đám cháy và những nơi có lửa, không nghịch lửa</i>	<i>- Nhận biết lửa và tránh xa đám cháy và những nơi có lửa, không nghịch lửa</i>
MT27	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số hành động nguy hiểm và cách phòng tránh: leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...
MT28	<i>Trẻ biết hành vi tốt – xấu, đúng – sai, không theo người lạ, không ăn đồ ăn do người lạ đưa (QCN)</i>	<i>Nhận biết hành vi tốt – xấu, đúng – sai. Nhận biết người lạ, không theo người lạ, không ăn đồ ăn do người lạ đưa (QCN)</i>
Lĩnh vực phát triển nhận thức		
	Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	Luyện tập phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác
MT29	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Sờ nắn số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn, xù xì - Sờ nắn nhìn ngửi nếm ...đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
MT29a	Sờ nắn, nhìn, nghe để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đồ vật.	- Sờ nắn số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn, xù xì
MT29b	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của hoa quả	- Sờ nắn nhìn ngửi nếm ...hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.

		- Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
MT30	Trẻ biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu một số con vật quen thuộc
MT30a	Trẻ biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau (đồ vật)	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật quen thuộc
MT30b	Trẻ biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau (tiếng kêu của một số con vật)	- Nghe và nhận biết tiếng kêu một số con vật quen thuộc
	- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói	Nhận biết
MT 31:	Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Chơi bắt trước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT32	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
MT32a	Trẻ nói được tên của bản thân	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân
MT32b	Trẻ nói được tên và công việc những người thân gần gũi trong gia đình khi được hỏi	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình
MT32c	- Trẻ nói được tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
MT33	Trẻ biết gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT34:	Trẻ nói được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT35	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, rau quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của hoa, quả, rau quen thuộc Tên đồ dùng, đồ chơi của bản thân, của nhóm/ lớp.

MT35a	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc	Tên đồ dùng, đồ chơi của bản thân, của nhóm/ lớp.
MT35b	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của hoa, quả, rau quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của hoa, quả, rau quen thuộc
MT36	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc
MT37	Chỉ nói tên và lấy hoặc cất đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh
MT38	Chỉ nói tên hặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to nhỏ
MT39	Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ
MT40	Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông.
MT41	Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều)	- Số lượng (một và nhiều)
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
	- Nghe hiểu lời nói	Nghe
MT42	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện được yêu cầu bằng lời nói.
MT43	Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “ Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì ?”; “ thế nào ?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Như thế nào?”; “Để làm gì?” - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Thế nào?”; “Để làm gì?”; “ Tại sao”
MT44	Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	Nghe truyện ngắn

MT45	Trẻ nghe hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, truyện ngắn
MT46	Trẻ nghe hiểu các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
MT46a	Trẻ nghe hiểu các từ chỉ tên gọi đồ vật, quen thuộc	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật quen thuộc - Sử dụng các từ chỉ đồ vật quen thuộc trong giao tiếp.
MT46b	Trẻ nghe hiểu các từ chỉ tên gọi sự vật quen thuộc	- Nghe các từ chỉ tên gọi sự vật quen thuộc - Sử dụng các từ chỉ sự vật quen thuộc trong giao tiếp.
MT46c	Trẻ nghe hiểu các từ chỉ tên gọi con vật quen thuộc	- Nghe các từ chỉ tên gọi con vật quen thuộc - Sử dụng các từ chỉ con vật quen thuộc trong giao tiếp.
MT46d	Trẻ nghe hiểu các từ chỉ tên gọi đặc điểm, hành động quen thuộc	- Nghe các từ chỉ tên gọi đặc điểm, hành động quen thuộc - Sử dụng các từ chỉ đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	- Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	Nói
MT47	Trẻ biết phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau
MT48	Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý
MT49	Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3 - 4 tiếng
	- Làm quen với sách	- Làm quen với sách
MT50	Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
MT51	Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
	- Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	Nói

MT52	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. <i>Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc.</i>	- Nói câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng thể hiện hiểu biết về sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. - <i>Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc để giao tiếp</i>
MT52a	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. <i>Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ đồ vật quen thuộc.</i>	- Nói câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng thể hiện hiểu biết về sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. - <i>Sử dụng các từ chỉ đồ vật quen thuộc để giao tiếp</i>
MT52b	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. <i>Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ con vật quen thuộc.</i>	- Nói câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng thể hiện hiểu biết về sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. - <i>Sử dụng các từ chỉ con vật quen thuộc để giao tiếp</i>
MT52c	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. <i>Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ đặc điểm, hành động quen thuộc.</i>	- Nói câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng thể hiện hiểu biết về sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. - <i>Sử dụng các từ chỉ đặc điểm, hành động quen thuộc để giao tiếp</i>
MT53	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau, chào hỏi khi trò chuyện.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi khi trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: cái gì đây?, con gì đây? ...
MT54	Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Chào hỏi khi gặp người lớn, biết cảm ơn, xin lỗi, mạnh dạn tự tin khi giao tiếp, nói năng nhẹ nhàng
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mĩ		

	Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	Phát triển tình cảm
MT55	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên
MT56	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích qua ánh mắt, nét mặt, trạng thái của trẻ
	- Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
MT57	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh
MT58	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi - <i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân qua các biểu tượng cảm xúc của bé tại lớp học.</i>
MT59	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui: buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.
MT60	Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi
	Thể hiện hành vi xã hội đơn giản	Phát triển kĩ năng xã hội
MT61	Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: Chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”. chơi cạnh bạn không cầu bạn
MT62	Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT63	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ chơi với bạn

MT64	Thực hiện một số yêu cầu của người lớn <i>Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.</i>	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để được vào nơi quy định - <i>Uống sữa xong bỏ rác vào thùng</i> - <i>Nhặt lá cây rụng bỏ vào thùng rác khi tham gia hoạt động dạo chơi ngoài vườn.</i> - <i>Nhặt rác bỏ vào thùng rác.</i>
MT64a	Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để được vào nơi quy định
MT64b	Thực hiện một số yêu cầu của người lớn <i>Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.</i>	- <i>Uống sữa xong bỏ rác vào thùng</i> - <i>Nhặt lá cây rụng bỏ vào thùng rác khi tham gia hoạt động dạo chơi ngoài vườn.</i> - <i>Nhặt rác bỏ vào thùng rác.</i>
	Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	Phát triển cảm xúc thẩm mỹ
MT65	Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc..	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc
MT66	Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc (<i>Nhạc cổ điển, nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng: miền, nhạc nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương ...</i>	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. Nghe âm thanh của các nhạc cụ - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - <i>Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, nhạc cổ điển...)</i> - <i>Nghe và nhận ra các loại nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nhạc nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương ...</i>

MT67	<i>Thể hiện cảm xúc và vận động tự nhiên theo nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.</i>	- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động tự nhiên theo nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc trong nước, dân tộc và nước ngoài. - Tập sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, nhanh, chậm, làm quen với việc sử dụng bộ gõ cơ thể.
MT68	Thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). <i>Biết bôi hồ và dán giấy màu tạo thành các bức tranh</i>	- Xem tranh - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình - <i>Dán tranh</i>

III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

TT	Tên chủ đề	Thời gian thực hiện		Các sự kiện trong năm
		Thời lượng	Thời gian	
1	Bé và các bạn	4 tuần	Từ ngày: 05/09/2024 - 04/10/2024	- Ngày Khai giảng - Tết trung thu
2	Mẹ và những người thân yêu của bé	4 tuần	Từ ngày: 07/10/2024 – 1/11/2024	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
3	Các cô, bác trong trường mầm non của bé	3 tuần	Từ ngày 04/11/2024 – 22/11/2024	- Ngày nhà giáo VN 20/11
4	Đồ dùng, đồ chơi của bé	3 tuần	Từ ngày 25/11/2024 – 13/12/2024	
5	Những con vật bé yêu	4 tuần	Từ ngày 16/12/2024 – 10/01/2025	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12
6	Ngày tết, mùa xuân và lễ hội quê hương bé	4 tuần	Từ ngày 13/01/2025 – 21/02/2025	- Tết nguyên đán
<i>Nghỉ tết từ ngày 27/01/2025(tức ngày 28/12 âm lịch) đến hết ngày 08/02/2025 (tức ngày 11/01 âm lịch)</i>				

7	Bé yêu cây và những bông hoa đẹp	4 tuần	Từ ngày 24/02/2025 – 21/03/2025	- Ngày Quốc tế phụ nữ 08/03.
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì	4 tuần	Từ ngày 24/03/2025 – 18/04/2025	
9	Bé yêu mùa hè	3 tuần	Từ ngày 21/04/2025 - 09/05/2025	- Ngày 30/4; 01/5
10	Bé lên mẫu giáo	2 tuần	Từ ngày 12/05/2025 - 23/05/2025	- Ngày sinh nhật Bác 19/5
Tổng	10 chủ đề	35		

IV. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NHÁNH VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	TÊN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Bé và các bạn 4 tuần Từ ngày: 05/09/2024 - 04/10/2024	Bé vui đến lớp	Từ 05/09 - 13/09/2024	Tuần 1
		Bé và các bạn cùng chơi	Từ 16/09 - 20/09/2024	Tuần 2
		Các bạn của bé ở lớp	Từ 23/09 - 27/09/2024	Tuần 3
		Bé biết bao nhiêu điều	Từ 30/09 - 04/10/2024	Tuần 4
2	Mẹ và những người thân yêu của bé 4 tuần Từ ngày: 07/10/2024 – 1/11/2024	Bố mẹ và gia đình thân yêu của bé	Từ 07/10 - 11/10/2024	Tuần 5
		Mẹ yêu bé	Từ 14/10 - 18/10/2024	Tuần 6
		Đồ dùng trong gia đình	Từ 21/10 - 25/10/2024	Tuần 7
		Ngôi nhà thân yêu của bé	Từ 28/10 - 01/11/2024	Tuần 8
3	Các cô, bác trong trường mầm non của bé 3 tuần Từ ngày 04/11/2024 – 22/11/2024	Cô giáo của bé	Từ 04/11 – 08/11/2024	Tuần 9
		Các cô bác cấp dưỡng trong trường mầm non của bé	Từ 11/11 - 15/11/2024	Tuần 10
		Ngày hội của các cô giáo (20-11)	Từ 18/11 - 22/11/2024	Tuần 11

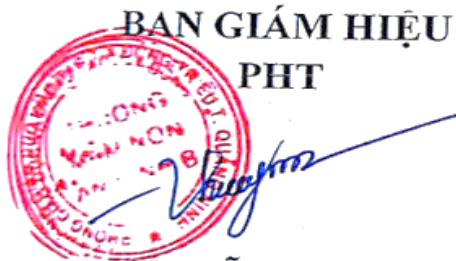
4	Đồ dùng, đồ chơi của bé 3 tuần Từ ngày 25/11/2024 – 13/12/2024	Đồ dùng của bé	Từ 25/11- 29/11/2024	Tuần 12
		Những đồ chơi quen thuộc gần gũi	Từ 2/12 - 06/12/2024	Tuần 13
		Những đồ chơi bé thích	Từ 09/12 - 13/12/2024	Tuần 14
5	Những con vật bé yêu 4 tuần Từ ngày 16/12/2024 – 10/01/2025	Những con vật thân quen trong nhà (nhóm chim)	Từ 16/12 - 20/12/2024	Tuần 15
		Những con vật thân quen trong nhà (nhóm thú nuôi trong gia đình)	Từ 23/12 - 27/12/2024	Tuần 16
		Vườn thú (nhóm thú sống trong rừng)	Từ 30/12 - 03/01/2025	Tuần 17
		Những con vật bé thích (nhóm cá)	Từ 06/01 - 10/01/2025	Tuần 18
6	Ngày tết, mùa xuân và lễ hội quê hương bé 4 tuần Từ ngày 13/01/2025 – 21/02/2025	Bé mong đón tết	Từ 13/01 - 17/01/2025	Tuần 19
		Ngày tết với bé	Từ 20/01 - 24/01/2025	Tuần 20
		Nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025		
		Lễ hội quê bé	Từ 10/02 – 14/02/2025	Tuần 21
		Mùa xuân với bé	Từ 17/02 – 21/02/2025	Tuần 22
7	Bé yêu cây và những bông hoa đẹp 4 tuần Từ ngày 24/02/2025 – 21/03/2025	Em yêu cây xanh	Từ 24/02 - 28/02/2025	Tuần 23
		Những bông hoa đẹp	Từ 03/03 - 07/03/2025	Tuần 24
		Vườn rau của bé	Từ 10/03 - 14/03/2025	Tuần 25
		Các loại quả bé thích	Từ 17/03 – 21/03/2025	Tuần 26
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì? 4 tuần Từ ngày 24/03/2025 – 18/04/2025	Phương tiện giao thông đường bộ: Xe máy, Ô tô	Từ 24/03 - 28/03/2025	Tuần 27
		Phương tiện giao thông đường sắt: tàu hỏa	Từ 31/03 - 04/04/2025	Tuần 28
		Phương tiện giao thông đường thủy,	Từ 07/04 - 11/04/2025	Tuần 29
		Phương tiện giao thông đường hàng không	Từ 14/04 - 18/04/2025	Tuần 30

9	Bé yêu mùa hè 3 tuần Từ ngày 21/04/2025 - 09/05/2025	Thời tiết mùa hè	Từ 21/04 - 25/04/2025	Tuần 31
		Quần áo và trang phục mùa hè	Từ 28/04 - 02/05/2025	Tuần 32
		Bé làm được gì trong mùa hè	Từ 05/05 – 09/05/2025	Tuần 33
10	Bé lên mẫu giáo 2 tuần Từ ngày 13/05/2025 - 23/05/2025	Lớp học của bé	Từ 12/05 - 16/05/2025	Tuần 34
		Các hoạt động hàng ngày của bé ở lớp	Từ 19/05 - 23/05/2025	Tuần 35
Tổng cộng	10 chủ đề			35 tuần

V. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch (Có phiếu kèm theo)

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học của nhóm trẻ 3 năm học 2024 - 2025. Đề nghị Ban giám hiệu nhà trường xét duyệt và cho ý kiến chỉ đạo thực hiện.

An Sinh, ngày 25 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Thị Mùi

TỔ CHUYÊN MÔN 1
Tổ phó

Nguyễn Như Mừng

NGƯỜI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Đỗ Thị Khanh – Lê Thị Hoa

